

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024
của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Ban Thường vụ Đảng ủy ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ nhận thức, tư duy, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần thiết thực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, tăng cường quốc phòng - an ninh.

- Triển khai đầy đủ và cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW thành các mục tiêu, quy hoạch, đề án, kế hoạch cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Tận dụng, phát huy tiềm năng, thế mạnh sẵn có, huy động đa dạng các nguồn lực để thu hút, đầu tư, phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số đối với các lĩnh vực ưu tiên.

- Nâng cao vai trò, ý thức, trách nhiệm và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, người đứng đầu chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị và người có thẩm quyền trong triển khai, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, tạo sự thống nhất trong hành động và quyết tâm thực hiện đạt hiệu quả cao.

2. Yêu cầu

- Tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy, tổ chức đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của mọi tầng lớp nhân dân đối với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xác định là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, nhất quán, lâu dài với những giải pháp đột phá, mang tính cách mạng, đảm bảo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật

của Nhà nước, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Xác định quyết tâm chính trị cao nhất để tổ chức triển khai; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Chủ động, linh hoạt bám sát chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu, đề xuất triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trong đó tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh của từng ngành theo từng năm và từng giai đoạn. Xác định người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, nguồn lực, động lực chính; nhà khoa học là nhân tố then chốt cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của phường giữ vai trò tiên phong, dẫn dắt, thúc đẩy; tăng cường mối quan hệ, công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, các ngành, các cấp để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước phù hợp với yêu cầu thực tiễn, giải quyết những khó khăn, vướng mắc mang tính cấp bách, tạo sự chuyển biến nhanh, hiệu quả trong tình hình mới.

- Cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của phường chủ động nghiên cứu, học tập và đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số vào thực tiễn thực thi nhiệm vụ và đời sống để góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch này.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế của phường thông qua đẩy mạnh hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, nhà nước trên môi trường số, dữ liệu số; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

- Phối hợp xây dựng hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết về khoa học, công nghệ.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến hết năm 2025

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn $\geq 50\%$.

- Có $\geq 60\%$ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 1,0\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Có $\geq 80\%$ cán bộ, công chức phường được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Có $\geq 10\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Có $\geq 70\%$ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.

- Có 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.

- Có $\geq 70\%$ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.

- Có $\geq 70\%$ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- Có $\geq 80\%$ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Có $\geq 70\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có $\geq 50\%$ cơ sở dữ liệu của phường được số hóa và liên thông với tỉnh.

- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- Có $\geq 85\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID.

- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

2.2. Đến hết năm 2030

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%.

- 100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 1,5\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.
- 100% cán bộ, công chức phường được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.
- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

Ứng dụng AI, IoT, ... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

Có $\geq 10\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

e) Phát triển chuyển đổi số

- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 85\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 70\%$ hệ thống thông tin dùng chung với tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.
- Có $\geq 80\%$ cơ sở dữ liệu của phường được số hóa và liên thông với tỉnh.
- Có $\geq 80\%$ dữ liệu của phường được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.
- Có $\geq 40\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 80\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 10\%$.
- Các cơ quan đảng hoàn thành tốt mục tiêu của Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.
- Đảng ủy, chính quyền phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.

2.3. Đến hết năm 2035

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 2\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- 100% cán bộ, công chức phường được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

Ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có $\geq 15\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

e) Phát triển chuyển đổi số

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Có $\geq 95\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có $\geq 90\%$ hệ thống thông tin dùng chung với tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- 100% cơ sở dữ liệu của phường được số hóa và liên thông với tỉnh.

- 100% dữ liệu của các cơ quan, ban, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.

- Có $\geq 85\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- Có $\geq 95\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 20%.

- Thiết lập trung tâm điều hành thông minh, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.

- Đảng ủy, chính quyền phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

2.4. Đến hết năm 2040

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 80%.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 2,5\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- 97% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- 80% - 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).

c) Phát triển khoa học, công nghệ

Ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 02 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Mỗi năm có 02 đến 05 dự án khởi nghiệp sáng tạo.
- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.

e) Phát triển chuyển đổi số

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- 100% hệ thống thông tin của phường dùng chung với tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- 100% cơ sở dữ liệu của phường được số hóa và liên thông với tỉnh.

- 100% dữ liệu của các cơ quan, ban, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.

- Có $\geq 95\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 30%.

- Trung tâm điều hành thông minh thực sự đóng vai trò là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, an ninh, giao thông, môi trường và dịch vụ công.

- Đảng ủy, chính quyền phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

2.5. Đến hết năm 2045

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%.

b) Phát triển nguồn lực

- Có $\geq 3\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- 99% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có $\geq 90\%$ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).

c) Phát triển khoa học, công nghệ: Ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Có ≥ 4 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Mỗi năm có 5 đến 10 dự án khởi nghiệp sáng tạo.
- Có $\geq 35\%$ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.
- Mỗi năm có ≥ 60 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.

e) Phát triển chuyển đổi số

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- 100% hệ thống thông tin của phường dùng chung với tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.

- 100% cơ sở dữ liệu của phường được số hóa và liên thông với tỉnh.

- 100% dữ liệu của cơ quan, ban, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP.

- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt trên 40%.

- Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.

- Phát triển, vận hành trung tâm điều hành thông minh đóng vai trò thực sự là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực.

- Đảng ủy, chính quyền phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất. Các hệ thống đảng số, chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh.

- Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Thành lập Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phường Trà Câu, đồng chí Bí thư Đảng ủy phường là Trưởng Ban, Văn phòng Đảng ủy phường là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo; thành lập Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo.

- Lồng ghép các nội dung trong Nghị quyết 57-NQ/TW vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của phường.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

2.1. Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.

- Nội dung quán triệt cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với thực tiễn của địa phương.

- Hình thức quán triệt cần đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân.

- Tuyên truyền tài liệu, cảm nang về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dưới dạng dễ tiếp cận (video clip, infographic, mạng xã hội...).

- Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.

2.2. Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, chi tiết, phân công trách nhiệm rõ ràng, xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá

Các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn (năm 2025 đến năm 2030, 2035, 2040, 2045). Kế hoạch có phân công nhiệm vụ cụ thể và xác định rõ nguồn lực thực hiện.

2.3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong triển khai, thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch hành động này vào tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng hằng năm của cán bộ, công chức.

2.4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Sử dụng Trang thông tin điện tử phường, các trang mạng xã hội của phường để phổ biến lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đa dạng hóa hình thức truyền thông (phát thanh, mạng xã hội...).

- Triển khai sâu rộng phong trào “học tập số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phường lồng ghép tuyên truyền các nội dung về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số với các phong trào thi đua yêu nước.

- Khơi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

2.5. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp.

- Phổ biến, kiểm tra, giám sát thường xuyên, liên tục các hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức trên không gian mạng.

3. Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

- Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật (*các quy định về lĩnh vực đất đai, đầu tư, mua sắm công, thủ tục hành chính, sở hữu trí tuệ, thuế, tín dụng...*).

- Xây dựng các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của phường giai đoạn 2025 - 2045 phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn phường và các quy hoạch, chiến lược liên quan của cấp có thẩm quyền.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp. Rà soát, đề xuất cắt giảm các thủ tục không cần thiết. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư tư nhân; đổi mới phương thức đầu tư hợp tác công - tư cho các dự án hạ tầng số.

- Bố trí đủ nguồn lực (*nhân lực, vật lực, tài lực*) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

4. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan, tổ chức đảng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường theo Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

5. Xây dựng, triển khai chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số phường

Xây dựng các kế hoạch đề cụ thể hóa Chiến lược của tỉnh về chuyển đổi số từng giai đoạn 10 năm, đảm bảo mục tiêu đến năm 2045; bao gồm các nhóm lĩnh vực chính gồm phát triển hạ tầng số, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, dữ liệu số và đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng số cho các khu vực trọng điểm, có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, 6G, cáp quang) đến các vùng lõm; tăng dung lượng kênh truyền trên mạng truyền số liệu chuyên dùng cho cơ quan Đảng, nhà nước; tăng dung lượng kênh truyền internet cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức nhà nước.

- Khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở theo từng giai đoạn; xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung đã ban hành; cung cấp 100% dữ liệu mở theo từng lĩnh vực theo kế hoạch.

- Tập trung các hoạt động chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước. Tăng tỷ lệ giao tiếp giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp, tổ chức và người dân thông qua môi trường số; từng bước sử dụng các công cụ để doanh nghiệp, tổ chức và người dân tham gia vào hoạt động của cơ quan Đảng, chính quyền và các cơ quan chuyên môn tại phường.

- Ứng dụng hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động thu thập, lưu trữ, phân tích, cung cấp thông tin, dữ liệu theo mô hình trung tâm điều hành thông minh, triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) nhằm từng bước tăng cường thông tin, dữ liệu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cơ quan Đảng, nhà nước, xử lý phản ánh thông tin từ doanh nghiệp, tổ chức và công dân theo thời gian thực.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...); triển khai chương trình đo lường, xác định chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp để thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp; triển khai hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số theo chương trình, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Phát triển hạ tầng di động và internet ở vùng lõm; tăng thông lượng và tiêu dùng băng rộng trên địa bàn để phát triển xã hội số. Phát triển thanh toán số; đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số nhằm gia tăng giao dịch số và an toàn an ninh trong giao dịch của người dân; triển khai thường xuyên mô hình “bình dân học vụ số”,

nâng cao kỹ năng số cho người dân thông qua mô hình MOOCs; chú trọng thực hiện chiến lược “học tập suốt đời”

- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn phường, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên, cảnh báo thiên tai. Từng bước thúc đẩy nông nghiệp thông minh, tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững.

- Khuyến khích ứng dụng các nền tảng số phục vụ thương mại, phục vụ cộng đồng.

6. Triển khai chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

6.1. Chiến lược hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

- Thành lập các Câu lạc bộ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trưng bày và bán sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của địa phương; tham gia trưng bày và bán sản phẩm tại các ngày hội khởi nghiệp, hội thảo, tọa đàm, cuộc thi ý tưởng sáng tạo, hội chợ xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh, tại các ngày lễ lớn, các sự kiện do các cơ quan chức năng tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Tạo điều kiện, hỗ trợ cho các nhóm khởi nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, chế biến thực phẩm, du lịch cộng đồng,...

6.2. Chiến lược khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo

- Triển khai các chính sách nhằm khuyến khích và thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ cao.

- Hỗ trợ thủ tục pháp lý; kết nối quỹ đầu tư, nhà đầu tư thiên thần, cộng đồng cổ vấn cho các dự án khởi nghiệp tại địa phương.

6.3. Chiến lược đẩy mạnh đổi mới sáng tạo trong khu vực công

Xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo; tăng cường năng lực và kỹ năng cho cán bộ; ứng dụng công nghệ và dữ liệu mở; đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ để tạo không gian cho sáng tạo; hợp tác với startup để triển khai giải pháp sáng tạo trong cung cấp dịch vụ công.

7. Triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đến 2045

- Xác định rõ nhu cầu nhân lực của từng lĩnh vực để có kế hoạch thu hút nhân tài.

- Tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp,...

- Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...), các lớp tập huấn định kỳ.

- Tích hợp, lồng ghép nội dung chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong các lớp tập huấn, bồi dưỡng lý luận chính trị.

8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

8.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

8.2. Tăng cường an ninh mạng

- Phối hợp chặt chẽ với đội ngũ chuyên trách ứng cứu sự cố của tỉnh.

- Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng.

- Định kỳ kiểm tra, diễn tập phòng chống tấn công mạng.

- Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng.

- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

8.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan cấp trên, có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn.

- Đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Made in Việt Nam”.

9. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch hành động, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời có các điều chỉnh khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí.

- Tuyên truyền về kết quả kiểm tra, giám sát của cấp ủy, hệ thống chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo 57 phường

Lãnh đạo, điều hành thống nhất các tổ chức, cơ quan, đơn vị triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW; ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, phối hợp các cơ quan, đơn vị để bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch hành động; tổ chức sơ kết, tổng kết và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác được giao.

2. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân phường: Cụ thể hóa thực hiện và tăng cường giám sát việc thực hiện tại các cơ quan, đơn vị.

3. Trách nhiệm của UBND phường

- Xây dựng, ban hành chương trình hoặc kế hoạch, đề án để triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn phường; phân kỳ thực hiện (*theo năm, giai đoạn 5 năm*), phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo về những giải pháp phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết: Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo và Ban Thường vụ Đảng ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, đề án theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch hành động nếu thấy cần thiết.

4. Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để tham mưu quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57-NQ/TW; hướng dẫn tuyên truyền nội bộ, trên mạng xã hội.

5. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện (*phản ánh những khó khăn, bất cập lên Ban Chỉ đạo phường*).

- Phát huy vai trò của Đoàn thanh niên, các hội đoàn thể... trong tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

6. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy, các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Đảng ủy viên thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Kế hoạch.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm báo cáo kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc về Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Chỉ đạo 57 phường (*đồng gửi Văn phòng Đảng ủy*) để theo dõi, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Đ/c Huỳnh Quốc Huy, UVBTVTU,
 Chủ nhiệm UBKT Tỉnh ủy (b/c),
- Văn phòng Tỉnh ủy (b/c),
- Thường trực HĐND, UBND phường,
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Đảng ủy,
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức
 chính trị - xã hội phường,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng ủy,
- Các đồng chí Đảng ủy viên,
- Trang thông tin điện tử phường,
- C, PC, NC-TH Văn phòng Đảng ủy,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nguyễn Xuân Văn